

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TX THÀNH PHỐ
HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Số: 404/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 22 tháng 7 năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông LND, sinh năm 1979; Giấy chứng minh nhân dân số 012899353 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 04.8.2006.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: 201A- B13 TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Bà NTNQ, sinh năm 1986; Giấy chứng minh nhân dân số 013017638 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 09.11.2007.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: 201A- B13 TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 18.5.2020, ông LND và bà NTNQ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông LND và bà NTNQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08.10.2007 tại UBND phường TX Bắc, quận TX, Hà Nội. Quá trình

chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung;** Ông LND và bà NTNQ có 01 con chung: LQA, sinh ngày 20.01.2008.

Khi ly hôn, giao con chung LQA, sinh ngày 20.01.2008 cho bà NTNQ trực tiếp nuôi dưỡng, ông LND cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6.2020.

+ **Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng;** Ông LND và bà NTNQ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ **Về lệ phí;** Ông LND và bà NTNQ tự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 7 năm 2020, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông LND và bà NTNQ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông LND và bà NTNQ có 01 con chung: LQA, sinh ngày 20.01.2008.

Giao con chung LQA, sinh ngày 20.01.2008 cho bà NTNQ trực tiếp nuôi dưỡng, ông LND cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6.2020.

Ông LND được quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông LND và bà NTNQ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông LND và bà NTNQ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông LND và bà NTNQ mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông LND và bà NTNQ đã nộp tại biên lai số 0000272 ngày 24.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).